TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân: bà Đinh Thị Lương Oanh, ông Nguyễn Mạnh Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa*:* Bà Chẩu Thị Ngọc -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn, con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 189; Địa chỉ: số 117, ấp Cà Na, xã M, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Quý Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: 329/58/37 Lê Quý Đôn, khu phố Tân Tiến, phường N, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày:

Bà N và ông Lê Quý Đ đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vào ngày 01/12/2011. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà N và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai.

Trong thời gian từ khi chung sống 2011 đến năm 2013 thì vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng sau đó thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông Đ không có tình thương và trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái, không lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn không thể dung hòa. Vợ chồng cũng đã nhiều lần được hai bên gia đình vận động, hòa giải nhưng vẫn không thay đổi được gì và vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay bà N yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung tên Lê Quý Phong, sinh ngày 10/9/2013.

Về cấp dưỡng: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và cho vay nợ chung: bà N không yêu cầu tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Lê Quý Đ vắng mặt trong suốt quá trình làm việc,* kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ *và hòa giải;***

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đặng Thị N có đơn xin vắng mặt và có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung tên Lê Quý Phong, sinh ngày 10/9/2013.

Về cấp dưỡng: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và cho vay nợ chung: bà N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông Lê Quý Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/9/2023 có ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: không đồng ý.

Về con chung: yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận.

* Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị N. Cho bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Lê Quý Đ.

- Về con chung: giao cho bà Đặng Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung tên Lê Quý Phong, sinh ngày 10/9/2013.

- Về cấp dưỡng: bà N không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà N, ông Quý không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và xin nuôi con chung đối với ông Lê Đ Quý. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, con chung quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Lê Quý Đ có địa chỉ khu phố Tân Tiến, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà N và bị đơn ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của bà N, ông Đ là hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông Lê Quý Đ đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vào ngày 01/12/2011. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà N và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Nên là hôn nhân hợp pháp. Bà N cho rằng là trong thời gian từ khi chung sống 2011 đến năm 2013 thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông Đ không có tình thương với bà N và không có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái, không lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn không thể dung hòa. Vợ chồng cũng đã nhiều lần được hai bên gia đình vận động, hòa giải nhưng vẫn không thay đổi được gì và vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay.

Nay tình cảm của bà N đối với ông Đ không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Còn ông Đ đã có ý kiến tại đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt là không đồng ý ly hôn với bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình, hiện nay bà N khẳng định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung căng thẳng ngột ngạt, tình cảm của bà N đối với ông Đ không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà N mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ, trong quá trình giải quyết ông Đ cũng không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình (không đến Tòa án để làm việc và hòa giải) nên xét thấy tình cảm của bà N và ông Đ không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và cho bà N được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: bà N và ông Đ có tên Lê Quý Phong, sinh ngày 10/9/2013. Bà N có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận

thấy bà N và ông Đ không chung sống với nhau từ cuối năm 2022 thì cháu Lê Quý Phong ở chung với bà N cho đến nay, thấy rằng bà N vẫn nuôi dạy con chu đáo, con chung của ông, bà vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Tại các bản ý kiến các cháu Lê Quý Phong đều mong muốn khi bố mẹ ly hôn thì các cháu xin được ở chung với mẹ (bà N).

Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của bà N, ông Đ có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất cho cháu nên chấp nhận yêu cầu của bà N, tiếp tục giao cháu Lê Quý Phong cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: bà N, ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bà N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Lê Quý Đ.

- *Về con chung*: Giao cho bà Đặng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Quý Phong, sinh ngày 10/9/2013.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

- *Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung:* bà N, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:* bà N phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 00049….(đọc lại giùm) ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài.

- Về quyền kháng cáo: bà N, ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND TP. Đồng Xoài;
-Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
-UBND xã Tân Thành;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga